

DANH SÁCH HỌC SINH ĐĂNG KÝ THÀNH CÔNG
XÉT TUYỂN NĂM HỌC 2023-2024

STT	HỌ VÀ TÊN	SINH NGÀY	Mã hồ sơ
-----	-----------	-----------	----------

Lớp Lá (5-6 tuổi)

1	Quang Tú Hân	27/04/2018	190998
2	Nguyễn Ngọc Tuệ Nhi	27/10/2018	191854
3	Đặng Minh Thông	05/02/2018	190937
4	Phạm Ngọc Ngân Quỳnh	07/11/2018	193595
5	Phạm Tấn Đạt	16/03/2018	193611

Lớp Chồi (4-5 tuổi)

1	Nguyễn Đỗ Trúc Linh	05/04/2019	190769
2	Bùi Ánh Dương	29/05/2019	190814
3	Nguyễn Hoàng Gia Phúc	27/04/2019	191089
4	Nguyễn Tấn An	05/08/2019	191296
5	Nguyễn Thanh Nhật Lam	13/05/2019	191375
6	Lê Nguyễn Hoàng Đăng	02/08/2019	191587
7	Lý Minh Quân	18/11/2019	193358
8	Trần Minh Hiếu	28/05/2019	191694
9	Trần Ngọc Thanh Trà	12/04/2019	193176
10	Lương Anh Khôi	16/11/2019	193528

Lớp Mầm (3-4 tuổi)

1	Nguyễn Hải An	20/12/2020	191485
2	Huỳnh Thanh Trúc	23/03/2020	191779
3	Võ Nguyễn Khánh Trâm	06/08/2020	191837
4	Nguyễn Lê Bảo Hiếu	25/07/2020	192964
5	Nguyễn Hoàng Bảo Quân	25/10/2020	193200
6	Châu Nguyễn Thiên Kim	17/09/2020	193212
7	Nguyễn Ngọc Minh Thư	01/05/2020	193362
8	Quách Tất Tâm	06/6/2020	193392
9	Huỳnh Ngọc Yến Nhi	08/9/2020	193513
10	Phạm Minh Quân	10/9/2020	193554
11	Lê Quan Thiên Phúc	07/10/2020	193599
12	Ngô Ngọc Nhi	07/12/2020	193834

Lớp Nhà trẻ (25-36 tháng)

1	Đặng Vĩnh Duy	28/10/2021	189710
2	Nguyễn Đỗ Gia Huy	27/03/2021	190775
3	Nguyễn Quỳnh Anh	10/10/2021	191105
4	Cao Hoàng Bảo Vy	07/12/2021	191230
5	Nguyễn Thanh Nhật Yên	18/04/2021	191370
6	Võ Bá Hưng	26/02/2021	191572
7	Trần Nguyễn Minh Quân	11/06/2021	191639
8	Nguyễn Phạm Hồng Quang	16/04/2021	191739
9	Lê Trần Nhã An	19/10/2021	191908
10	Phạm Anh Thư	17/02/2021	191916
11	Nguyễn Cảnh Điền	03/03/2021	193214
12	Nguyễn Cát Phương Vy	23/07/2021	193370
13	Trần Ái Vy	07/03/2021	194869
14	Nguyễn Ngọc Như Ý	19/02/2022	191120
15	Hồ Nam Khải	21/06/2022	192977
16	Phùng Nguyễn Bảo Kim	07/01/2022	193000

Bình Thạnh, ngày 17 tháng 7 năm 2023



TRƯỞNG

Trần Phương Thu